

Số: 3729 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 10 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung
đô thị An Nhơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch xây dựng ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4252/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị An Nhơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035;

Căn cứ Kết luận số 259-KL/TU ngày 08/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Văn bản số 6630/UBND-KT ngày 13/9/2023 của UBND tỉnh về việc hoàn thiện đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị An Nhơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 272/TTr-SXD ngày 04/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị An Nhơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Nội dung điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:

- Điều chỉnh quy mô đất đơn vị ở từ 1247,15ha thành 1387,82 ha (tăng 140,67ha). Lý do: Bổ sung đất xây dựng đô thị do nâng cấp xã Nhơn Phong trở thành phường nội thị nên tăng đất đơn vị ở (theo Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã An Nhơn khóa XXIV);
- Điều chỉnh đất công trình dịch vụ công cộng đô thị từ 105,7ha thành 114,5ha (tăng 8,79ha). Lý do: Bổ sung đất công trình dịch vụ công cộng đô thị tại các khu vực dự kiến trở thành phường, khu đô thị mới;
- Điều chỉnh đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị từ 117,5ha thành 190,86ha (tăng 73,36ha). Lý do bổ sung đất cây xanh theo quy hoạch khu vực xung quanh di tích gốc Thành Hoàng Đế; bổ sung công viên cây xanh ở khu liên hợp thể dục thể thao tại phường Bình Định; một số công viên hoa viên tại khu vực Cẩm Văn, khu vực trung tâm xã để trở thành phường;
- Điều chỉnh bổ sung đất di tích (tăng 4,45ha). Lý do bổ sung theo quy hoạch phân khu khu vực di tích gốc Thành Hoàng Đế, bổ sung khu vực di tích thành Cha (tại Nhơn Lộc), di tích Trường Thi Võ tại phường Nhơn Hòa... theo quy hoạch hệ thống di tích hiện có trên địa bàn thị xã.
- Điều chỉnh đất phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp từ 964,3ha thành 1.205,49ha (tăng 241,11ha). Lý do bổ sung đất cụm công nghiệp Tân Nghi, Tân Đức và Đồi Hòa Sơn tại xã Nhơn Mỹ;
- Điều chỉnh đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối từ 189ha thành 316,30ha (tăng 127,30 ha). Lý do Mở rộng sân bay Phù Cát, tuyến đường sắt Bắc – Nam tốc độ cao, các hành lang các tuyến truyền tải điện, nhà máy xử lý nước thải tại Nhơn An, các nhà máy cấp nước sinh hoạt...;
- Điều chỉnh quỹ đất xây dựng khu dân cư nông thôn tại Nhơn Khánh, Nhơn Mỹ, Nhơn Hạnh và Nhơn Tân từ 514,3ha thành 384,30ha (giảm 130 ha);
- Điều chỉnh bổ sung quỹ đất quốc phòng từ 207,34ha thành 344,35 ha (tăng 137,01ha) do cập nhật khu vực thao trường tại Nhơn Tân;
- Điều chỉnh khu vực cây xanh chuyên đề từ 759ha thành 782,66ha (tăng khoảng 23,66ha) đảm bảo quỹ đất cây xanh cách ly theo Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông Côn – Hà Thanh được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 16/8/2022;
- Điều chỉnh cập nhật bổ sung đất giao thông đối ngoại từ 274,95ha thành 364,16ha (tăng 89,21ha). Lý do: Cập nhật lại tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam, đoạn Hoài Nhơn – Quy Nhơn; Bổ sung hướng tuyến của đường bộ cao tốc Quy

Nhon – Pleiku; bổ sung hướng tuyến đường nối từ đường ĐT638 nối về Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định;

- Điều chỉnh đất trung tâm y tế từ 1,7 ha thành 2,16ha (tăng 0,46ha). Lý do bổ sung mở rộng Trung tâm y tế về phía Bắc sông Gò Chàm, phường Nhơn Hưng.

2. Bảng cơ cấu sử dụng đất sau khi điều chỉnh:

STT	HẠNG MỤC	Theo QĐ số 4252/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh	Quy hoạch điều chỉnh	Tăng /Giảm
		Diện tích (ha)	Diện tích (ha)	
I	Đất xây dựng đô thị	3480,21	4182,70	
I.1	Khu đất dân dụng	1833,00	2072,96	
1	Đất đơn vị ở	1247,15	1387,82	+140,67
2	Đất công trình dịch vụ công cộng đô thị	105,75	114,54	+8,79
3	Đất giao dục (THPT)	10,11	10,11	-
4	Đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị	117,50	190,86	+73,36
5	Đất giao thông - hạ tầng kỹ thuật (giao thông đô thị)	352,50	369,63	+17,13
I.2	Khu đất ngoài dân dụng	1647,21	2109,74	+462,53
1	Đất giao thông đối ngoại	274,95	364,16	+89,21
2	Đất trường chuyên nghiệp	4,60	4,60	-
3	Đất trung tâm y tế	1,70	2,16	+0,46
4	Đất di tích, tôn giáo	178,11	182,56	+4,45
5	Đất trung tâm TDTT	10,00	10,00	-
6	Đất phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp	964,38	1205,49	+241,11
7	Đất cơ quan, công trình sự nghiệp ngoài dân dụng	24,47	24,47	-
8	Hạ tầng kỹ thuật đầu mối	189,00	316,30	+127,30
II	Khu đất nông nghiệp và chức năng khác	20969,15	20266,74	-702,41
1	Đất KDC nông thôn	514,30	384,30	-130,00
2	Đất cây xanh chuyên đề	759,00	782,66	+23,66
3	Đất nông nghiệp	10468,64	10195,87	-272,77
4	Đất lâm nghiệp	5695,61	5695,61	-
5	Đất an ninh, quốc phòng	207,34	344,35	+137,01

STT	HẠNG MỤC	Theo QĐ số 4252/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh	Quy hoạch điều chỉnh	Tăng /Giảm
		Diện tích (ha)	Diện tích (ha)	
6	Đất sông suối, mặt nước chuyên dụng	2156,30	2156,30	-
7	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	187,00	187,00	-
8	Đất chưa sử dụng	980,95	520,65	-460,30
TỔNG CỘNG		24.449	24.449	

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này làm căn cứ để quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt theo quy định.

2. UBND thị xã An Nhơn có trách nhiệm tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch đã được phê duyệt, gửi hồ sơ quy hoạch cho các cơ quan liên quan để lưu trữ, quản lý và triển khai quy hoạch theo quy định; mọi thay đổi, điều chỉnh nội dung quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt phải thông qua Sở Xây dựng thẩm định, tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét quyết định.

3. Giao các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hóa và Thể thao và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm cập nhật quy hoạch theo ngành để quản lý, phối hợp với UBND thị xã An Nhơn tổ chức quản lý, thực hiện các nội dung quy hoạch theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai quy hoạch, đầu tư, xây dựng và các nội dung có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4252/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hóa và Thể thao, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K1, K6, K19, K14.

Chữ

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng